

Phụ lục IV
CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐỐI VỚI
HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ
NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI
TẠI VIỆT NAM, PHÂN HIỆU CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

A. PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thẩm quyền cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam.

II. Thẩm quyền giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam.

B. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

I. Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 35, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP được thực hiện theo thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường đại học quy định tại Điều 94, Điều 95 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

II. Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 5a Điều 35, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

1. Điều kiện cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam

Vốn đầu tư:

Dự án đầu tư thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam phải có vốn đầu tư tối thiểu là 500 tỷ đồng (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 250 tỷ đồng.

2. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam

a) Đơn đề nghị cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác, chia sẻ được dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cá nhân, tổ chức không phải cung cấp thành phần hồ sơ này;

c) Đề án thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của văn bản chấp thuận cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp xây dựng cơ sở vật chất hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và các giấy tờ pháp lý liên quan. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu của địa phương hoặc của cơ quan nhà nước thì cá nhân, tổ chức không phải cung cấp thành phần hồ sơ này;

đ) Kế hoạch về cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục hoặc dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bao gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết cơ sở giáo dục;

e) Văn bản chứng minh năng lực tài chính theo mức vốn đầu tư tại điều kiện Cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam;

g) Thông tin về vị trí xếp hạng thuộc nhóm 500 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu thế giới;

h) Văn bản kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài xin thành lập phân hiệu còn hiệu lực hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép đào tạo và cấp văn bằng.

3. Trình tự thực hiện thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam

a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua VNeid hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

c) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử cho nhà đầu tư;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan, đơn vị được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời;

đ) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo thẩm định hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền theo quy xem xét, quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

e) Trường hợp hồ sơ không được chấp thuận, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

Sau thời hạn 04 năm kể từ ngày quyết định cho phép thành lập có hiệu lực, nếu phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam không được cho phép hoạt động giáo dục thì quyết định cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam hết hiệu lực.

III. Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 35, Điều 43, Điều 44 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP được thực hiện theo thủ tục Cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tư thực quy định tại Điều 98, Điều 99 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

IV. Thủ tục Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 36, khoản 4 Điều 38, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP được thực hiện theo thủ tục Cho phép trường đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 96, Điều 97 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, thủ tục Cho phép phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 100 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; đồng thời Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/ NĐ-CP

1. Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu

chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

2. Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

3. Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

4. Chương trình giáo dục của nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

V. Thủ tục cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 36, Điều 37, khoản 5 Điều 38, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

1. Điều kiện cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam

1.1. Về cơ sở vật chất, thiết bị:

a) Diện tích đất xây dựng phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam không thấp hơn mức quy định về diện tích đất xây dựng phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động;

b) Diện tích xây nhà bình quân ít nhất là 09 m²/sinh viên, trong đó diện tích học tập ít nhất là 06 m²/sinh viên, diện tích nhà ở và sinh hoạt của sinh viên ít nhất là 03 m²/sinh viên;

c) Có đủ số giảng đường, phòng học, phòng chức năng phù hợp và đáp ứng yêu cầu đào tạo theo ngành và phương thức tổ chức đào tạo;

d) Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và ban giám hiệu bảo đảm đáp ứng được cơ cấu tổ chức phòng, ban, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 08 m²/người;

đ) Có hội trường, thư viện, cơ sở thí nghiệm, thực tập, thực hành và các cơ sở vật chất khác đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và hoạt động khoa học - công nghệ;

e) Có nhà ăn, các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hóa và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ sinh hoạt cho cán bộ, giảng viên và sinh viên;

g) Có khu công trình kỹ thuật, nhà để xe ô tô, xe máy, xe đạp.

1.2. Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

b) Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Chương trình giáo dục của nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP).

1.3. Về đội ngũ nhà giáo đối với cơ sở giáo dục đại học:

a) Giảng viên là người nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học trong cùng lĩnh vực giảng dạy trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Giảng viên là người bản ngữ nước ngoài dạy kỹ năng ngoại ngữ tại cơ sở giáo dục đại học phải có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp.

2. Hồ sơ đề nghị cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam

a) Đơn đăng ký hoạt động giáo dục theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

b) Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục;

c) Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện;

d) Báo cáo giải trình về việc phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đã đáp ứng các nội dung quy định đảm bảo chất lượng giáo dục tại các Điều 35, 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, đồng thời gửi kèm:

- Danh sách hiệu trưởng (giám đốc), phó hiệu trưởng (phó giám đốc), trưởng các khoa, phòng, ban và kế toán trưởng. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục của phân hiệu cơ sở giáo dục đại học, cần bổ sung danh sách cán bộ phụ trách phân hiệu và cơ cấu, bộ máy tổ chức của phân hiệu;

- Danh sách và lý lịch cá nhân của cán bộ, giáo viên, giảng viên (cơ hữu, thỉnh giảng);

- Mô tả cấp học, trình độ đào tạo, ngành đào tạo;

- Chương trình, kế hoạch giảng dạy, tài liệu học tập, danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chính;

- Đối tượng tuyển sinh, quy chế và thời gian tuyển sinh;

- Quy chế đào tạo;

- Quy mô đào tạo (học sinh, sinh viên, học viên);

- Các quy định về học phí và các loại phí liên quan;

- Quy định về kiểm tra, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo;

- Mẫu văn bằng, chứng chỉ sẽ được sử dụng.

3. Trình tự thực hiện thủ tục cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua VNeID hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 20 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định các điều kiện theo quy định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, cấp quyết định cho phép hoạt động theo Mẫu số 17 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho nhà đầu tư.

Trường hợp cơ sở giáo dục chưa đủ điều kiện để hoạt động, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

VI. Không thực hiện thủ tục cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 50 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

Việc hoạt động trở lại của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, sau khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam tự tổ chức hoạt động giáo dục trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

VII. Không thực hiện thủ tục bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP

Cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục như sau:

1. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài theo thủ tục Cho phép trường đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 96, Điều 97 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP trên cơ sở các nội dung đề nghị bổ sung, điều chỉnh so với quyết định cho phép hoạt động đào tạo đã được ban hành.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

Đối với chương trình giáo dục của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam, phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

2. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài theo thủ tục cho phép phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 100 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP trên cơ sở các nội dung đề nghị bổ sung, điều chỉnh so với quyết định cho phép hoạt động đào tạo đã được ban hành.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

Đối với chương trình giáo dục của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam, phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

3. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với phân hiệu cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam theo thủ tục cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 36, Điều 37, khoản 5 Điều 38, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP trên cơ sở các nội dung đề nghị bổ sung, điều chỉnh so với quyết định cho phép hoạt động đã được ban hành.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

VIII. Thủ tục giải thể cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP được thực hiện theo thủ tục giải thể cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học quy định tại Điều 103 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

IX. Thủ tục giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

1. Hồ sơ đề nghị giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 3 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP

a) Đơn đề nghị giải thể, chấm dứt hoạt động phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam;

b) Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam, trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản.

2. Trình tự thực hiện thủ tục giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua VNeID hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định, thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho nhà đầu tư.

Quyết định giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam phải ghi rõ lý do giải thể, các biện pháp bảo đảm quyền hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên và phải được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

X. Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 35, khoản 3 Điều 40, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; khoản Đ.I Mục 1, khoản Đ.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ quy định tại Điều 3 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Điều 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản A.I Mục 1, khoản A.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XI. Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 35, khoản 3 Điều 40, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; khoản Đ.I Mục 1, khoản Đ.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học quy định

tại Điều 15 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Điều 11 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.I Mục 1, khoản B.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông quy định tại Điều 25 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Điều 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.VI, khoản B.XI Mục 1, B.III Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XII. Thủ tục giải thể cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.II, Đ.III Mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) quy định tại Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản A.V Mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XIII. Thủ tục giải thể cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.II, Đ.III Mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) quy định tại Điều 15 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.V Mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; thủ tục giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường), thủ tục giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) quy định tại Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.X, khoản B.XV Mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XIV. Không thực hiện thủ tục cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn quy định tại khoản 1 Điều 36, Điều 37, khoản 1 Điều 38, Điều 45, Điều 46, điểm a khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

XV. Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 36, khoản 2 Điều 38, Điều 45, Điều 46, điểm b khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi,

bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.IV Mục 1, khoản Đ.II Mục 1, Đ.III, Đ.IV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục quy định tại Điều 3 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản A.II mục 1, A.II Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; đồng thời Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, đã được sửa đổi tại khoản Đ.III Mục 2 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

1. Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

b) Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Chương trình giáo dục nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm D.III.1.a, điểm D.III.1.b và điểm D.III.1.c mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

2. Cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy:

a) Chương trình giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của nước ngoài đối với các cơ sở giáo dục quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định 86/2018/NĐ-CP.

3. Thực hiện môn học, nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở

giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XVI. Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 36, khoản 3 Điều 38, Điều 45, Điều 46, điểm b khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.IV Mục 1, khoản Đ.II, Đ.III, Đ.IV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục quy định tại Điều 12 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản B.II Mục 1, B.II Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XVII. Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục, thủ tục cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục quy định tại Điều 19 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản B.VII, khoản B.XII Mục 1, B.IV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; đồng thời Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, đã được sửa đổi tại khoản Đ.III Mục 2 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

1. Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

b) Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Chương trình giáo dục nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm D.III.1.a, điểm D.III.1.b và điểm D.III.1.c mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP;

2. Cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy:

a) Chương trình giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của nước ngoài đối với các cơ sở giáo dục quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định 86/2018/NĐ-CP.

3. Thực hiện môn học, nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XVIII. Không thực hiện thủ tục Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP

Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục như sau:

1. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài theo thủ tục Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục quy định tại Điều 3 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản A.II mục 1, A.II mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP trên cơ sở các nội dung đề nghị bổ sung, điều chỉnh so với quyết định cho phép hoạt động giáo dục đã được ban hành.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

Đối với chương trình giáo dục của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam, phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

2. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài theo thủ tục Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục quy định tại Điều 12 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.II mục 1, B.II mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; thủ tục Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục, thủ tục Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt

động giáo dục quy định tại Điều 19 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản B.VII, khoản B.XII Mục 1, B.IV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP trên cơ sở các nội dung đề nghị bổ sung, điều chỉnh so với quyết định cho phép hoạt động đào tạo đã được ban hành.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

Đối với chương trình giáo dục của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam, phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

XIX. Không thực hiện thủ tục Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 50 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tổ chức hoạt động giáo dục trở lại như sau:

Hết thời hạn đình chỉ, sau khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tự tổ chức hoạt động giáo dục trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

XX. Không thực hiện thủ tục Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

XXI. Không thực hiện thủ tục Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam; thủ tục Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam; thủ tục Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện quy định tại Điều 53, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 61 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa

đổi, bổ sung bởi Nghị định 124/2024/NĐ-CP; Điều 29, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; khoản Đ.VIII, khoản Đ.X, khoản Đ.XI mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tổ chức hoạt động tại Việt Nam theo quy định sau:

Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam khi có tư cách pháp nhân hợp lệ theo pháp luật nước sở tại; có hoạt động trong lĩnh vực giáo dục hợp pháp và được kiểm định chất lượng giáo dục hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng giáo dục; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và tự chịu trách nhiệm về việc đáp ứng các yêu cầu này.

Trước khi hoạt động ít nhất 15 ngày làm việc, tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đặt văn phòng đại diện. Nội dung thông báo gồm các thông tin về Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập Văn phòng đại diện giáo dục (Tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có), quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, fax, email); Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (Tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có), địa chỉ và thông tin liên hệ trụ sở Văn phòng đại diện); nhân sự làm việc tại Văn phòng đại diện (Trưởng Văn phòng đại diện: họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ thường trú tại Việt Nam, hộ chiếu/số căn cước công dân - nơi cấp, ngày tháng năm cấp; số lượng nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện); nội dung hoạt động và các tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có).

Trường hợp có thay đổi các nội dung đã thông báo hoặc chấm dứt hoạt động, tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đặt văn phòng đại diện.

Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục nước ngoài Văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tổ chức hoạt động tại Việt Nam trên cơ sở nội dung đã thông báo và quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp không đáp ứng yêu cầu hoặc hoạt động không đúng nội dung đã thông báo.

XXII. Thủ tục Cho phép thành lập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài; trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại Điều 9; khoản 1, khoản 2 Điều 12; khoản 1 Điều 13; Điều 14 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Thành lập trường cao đẳng quy định tại Điều 3, Điều 6, khoản 3 Điều 7, Điều 8 Nghị định số

143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; đồng thời chương trình đào tạo thực hiện tại trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận phải đáp ứng các yêu cầu:

1. Chương trình đào tạo dự kiến phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy chương trình đào tạo của Việt Nam; chương trình đào tạo của nước ngoài trong khuôn khổ các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định.

3. Các môn học bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam theo học các chương trình đào tạo của nước ngoài trong các trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XXIII. Thủ tục Cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 11, khoản 3 Điều 12, khoản 1 Điều 13, Điều 15 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP được thực hiện theo thủ tục Thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.

XXIV. Thủ tục Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 17 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng quy định tại Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

XXV. Thủ tục Đổi tên trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài (Mã quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo theo thủ tục Đổi tên trường cao đẳng quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.

XXVI. Thủ tục Giải thể trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 18 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Giải thể trường cao đẳng quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

XXVII. Thủ tục Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 19 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục giải thể phân hiệu của trường cao đẳng quy định tại Điều 9 Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.

XXVIII. Thủ tục Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại Điều 9, Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 13, Điều 14 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP, Điều 27 Nghị định 142/2025/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực quy định tại Điều 3, Điều 6, khoản 1 Điều 7, Điều 8 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; đồng thời chương trình đào tạo thực hiện tại trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận phải đáp ứng các yêu cầu:

1. Chương trình đào tạo dự kiến phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy chương trình đào tạo của Việt Nam; chương trình đào tạo của nước ngoài trong khuôn khổ các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định.

3. Các môn học bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam theo học các chương trình đào tạo của nước ngoài trong các trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XXIX. Thủ tục Thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 11, khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 13, Điều 15 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thủ tục Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.

XXX. Thủ tục Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 17 Nghị định

số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP, Điều 28 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

XXXI. Thủ tục Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP, Điều 28 Nghị định 142/2025/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.

XXXII. Thủ tục Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 18 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP, Điều 28 Nghị định 142/2025/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

XXXIII. Không thực hiện thủ tục Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tổ chức hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại Điều 29, Điều 31, Điều 32, Điều 33 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 24/2022/NĐ-CP, Điều 9 Nghị định 143/2025/NĐ-CP thành lập và hoạt động theo quy định sau:

1. Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam khi có tư cách pháp nhân hợp lệ theo pháp luật nước sở tại; có hoạt động trong lĩnh vực giáo dục hợp pháp và được kiểm định chất lượng giáo dục hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng giáo dục; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và tự chịu trách nhiệm về việc đáp ứng các yêu cầu này.

2. Trước khi hoạt động ít nhất 15 ngày làm việc, tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo

dục và Đào tạo nơi đặt văn phòng đại diện. Nội dung thông báo gồm các thông tin về Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài thành lập Văn phòng đại diện giáo dục (Tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có), quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, fax, email); Văn phòng đại diện giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (Tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có), địa chỉ và thông tin liên hệ trụ sở Văn phòng đại diện); nhân sự làm việc tại Văn phòng đại diện (Trưởng Văn phòng đại diện: họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ thường trú tại Việt Nam, hộ chiếu/số căn cước công dân - nơi cấp, ngày tháng năm cấp; số lượng nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện); nội dung hoạt động và các tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có).

Trường hợp có thay đổi các nội dung đã thông báo hoặc chấm dứt hoạt động, tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đặt văn phòng đại diện.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục nước ngoài, Văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tổ chức hoạt động tại Việt Nam trên cơ sở nội dung đã thông báo và quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp không đáp ứng yêu cầu hoặc hoạt động không đúng nội dung đã thông báo.

C. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ

| TT | Các văn bản cần sửa đổi, bổ sung | Điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|-----------|---|---|----------------------------------|
| I | NGHỊ QUYẾT | | |
| 1. | Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP | Khoản Đ.I mục 1, khoản Đ.I mục 2 Phụ lục I.3; Khoản Đ.II, Đ.III mục 1 Phụ lục I.3 Khoản Đ.IV mục 1, khoản Đ.II, Đ.III, Đ.IV mục 2 Phụ lục I.3; Khoản Đ.VIII, khoản Đ.X, khoản Đ.XI mục 1 Phụ lục I.3 | Bộ Tư pháp |
| II | NGHỊ ĐỊNH | | |
| 1 | Nghị định số 86/2018/NĐ-CP | Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Khoản 1 Điều 40; Khoản 2 Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45; | Bộ Giáo dục và Đào tạo |

| | | | |
|---|-----------------------------|---|---------------------------|
| | | Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 50; Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 57; Điều 58; Điều 60; Điều 61 | |
| 2 | Nghị định số 124/2024/NĐ-CP | Điểm b khoản 18 Điều 1; Điểm b khoản 23 Điều 1; Khoản 24, 25, 27, 28, 29, 30, 31, 33, 34 Điều 1 | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 3 | Nghị định số 15/2019/NĐ-CP | Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 29; Điều 31; Điều 32; Điều 33 | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 4 | Nghị định 24/2022/NĐ-CP | Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 16, 20 Điều 2 | Bộ Giáo dục và Đào tạo |